

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2016/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2016

THÔNG TƯ**Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước
do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý***Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;**Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;**Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;**Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;**Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;**Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính;**Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định nhiệm vụ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc

dự án dùng thực hiện vĩnh viễn thuộc nguồn vốn nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư, chủ dự án, Ban quản lý dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý có liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 3. Nguồn vốn nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý gồm:

1. Vốn ngân sách Nhà nước.
2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO).
3. Vốn trái phiếu Chính phủ.
4. Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư.
5. Nguồn vốn ngân sách khác.

Điều 4. Nguyên tắc và trách nhiệm trong việc quyết toán dự án hoàn thành

1. Khi dự án đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng, chủ đầu tư phải lập báo cáo quyết toán theo đúng nội dung, thời gian qui định tại Thông tư này và Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2016/TT-BTC). Những hạng mục công trình có tính độc lập khi hoàn thành có thể đưa vào vận hành, khai thác sử dụng để phát huy hiệu quả từng phần thì chủ đầu tư lập và trình duyệt báo cáo quyết toán.

2. Không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên theo quy định về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành quy định tại Điều 6 Thông tư này; không bố trí kế hoạch vốn để thanh toán số vốn còn thiếu cho các dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên.

3. Nhà thầu đang có hợp đồng vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán hợp đồng hoặc sau 06 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán, nhà thầu không hoàn trả kịp thời số vốn giảm trừ không được tham gia các gói thầu mới do Bộ quản lý.

Điều 5. Quyết toán dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO)

1. Việc quyết toán dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 09/2016/TT-BTC.

2. Các dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng vốn (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ được phê duyệt là dự án nhóm A nhưng có nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập tương đương dự án nhóm B, nhóm C (có quyết định phê duyệt dự án đầu tư riêng biệt) thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập thực hiện lập báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập. Việc thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành như quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ (có bố trí mô hình tổ chức Ban quản lý trung ương, ban quản lý dự án thành phần) khi hoàn thành phải thực hiện quyết toán theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và quy định tại Thông tư này.

Mỗi dự án thành phần (tiểu dự án) hoàn thành quyết toán nếu liên quan đến chi phí chung toàn dự án thì trước khi lập báo cáo quyết toán tiểu dự án, Ban quản lý Trung ương và Ban quản lý tiểu dự án phải thống nhất giá trị chi phí chung phân bổ.

4. Đối với dự án có nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập được Bộ giao cho UBND các tỉnh phê duyệt dự án đầu tư, trách nhiệm thực hiện thẩm tra và phê duyệt quyết toán thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh.

Sau khi toàn bộ dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi hoàn thành, cơ quan quản lý dự án (Ban quản lý dự án trung ương) chịu trách nhiệm báo cáo tổng quyết toán toàn bộ dự án (bao gồm quyết định phê duyệt quyết toán của UBND các tỉnh và quyết định phê duyệt quyết toán chi phí chung) gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; không phải kiểm toán quyết toán lại các dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được UBND các tỉnh phê duyệt quyết toán.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 6. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán, kiểm toán và thẩm tra phê duyệt quyết toán

Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng (đã bao gồm thời gian kiểm toán đối với dự án phải thực hiện kiểm toán); thời gian thẩm tra và phê duyệt tính từ ngày cơ quan thẩm tra nhận đủ hồ sơ trình duyệt của Chủ đầu tư. Thời gian tối đa được quy định cụ thể như sau:

Đơn vị: tháng

Loại dự án	Thời hạn tối đa nộp HSQT trình phê duyệt quyết toán (bao gồm cả thời gian kiểm toán)	Thời gian tối đa để thẩm tra, phê duyệt
Dự án quan trọng quốc gia	09	07
Dự án nhóm A	09	04
Dự án nhóm B	06	02
Dự án nhóm C	03	01

Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan thẩm tra quyết toán**1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán**

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư: Bộ trưởng phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc Bộ quản lý;

b) Đối với các dự án nhóm A do Bộ trưởng quyết định đầu tư: Thứ trưởng phụ trách phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

c) Đối với các dự án nhóm B, nhóm C:

- Giao Vụ Tài chính phê duyệt quyết toán các dự án nhóm B, nhóm C do Bộ quyết định đầu tư (không bao gồm các dự án do các Tổng cục phê duyệt quyết toán);

- Tổng cục: Thủy lợi, Lâm nghiệp, Thủy sản (sau đây gọi tắt là các Tổng cục) thực hiện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án nhóm B, nhóm C do các Tổng cục thẩm định trình Bộ trưởng quyết định đầu tư, các dự án do đơn vị trực thuộc các Tổng cục làm chủ đầu tư.

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng khác và các dự án nhóm A thực hiện thẩm tra quyết toán theo Hội đồng thẩm tra quyết toán; Vụ Tài chính là cơ quan thường trực Hội đồng thẩm tra quyết toán;

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Cơ quan thẩm tra quyết toán là Vụ Tài chính, các Tổng cục được quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này.

Điều 8. Yêu cầu của việc lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

1. Chi phí đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp thực hiện trong quá trình đầu tư xây dựng để đưa dự án vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí thực hiện trong phạm vi dự án, thiết kế, dự toán được duyệt; hợp đồng đã ký kết (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được phê duyệt điều chỉnh.

2. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành phải xác định đầy đủ, chính xác: Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án, chi tiết theo từng nguồn vốn đầu tư; tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán, chi tiết theo cơ cấu (bồi thường hỗ trợ và tái định cư, xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn và các khoản chi phí khác); chi phí thiệt hại trong quá trình đầu tư; chi phí được phép không tính vào giá trị tài sản; giá trị tài sản hình thành sau đầu tư.

3. Các dự án, công trình xây dựng sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư khi hoàn thành phải lập báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán hoàn thành theo hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Các dự án có nhiều hạng mục công trình mà mỗi hạng mục công trình hoặc nhóm hạng mục khi hoàn thành có thể đưa vào khai thác, sử dụng, thì chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán đầu tư theo hạng mục. Giá trị đề nghị quyết toán bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí mua sắm và lắp đặt thiết bị, các khoản chi phí khác có liên quan trực tiếp đến hạng mục đó. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư tổng quyết toán toàn bộ dự án và xác định mức phân bổ chi phí chung của dự án cho từng hạng mục công trình thuộc dự án, trình Bộ phê duyệt; không thực hiện kiểm toán, thẩm tra quyết toán lại đối với các hạng mục công trình đã được phê duyệt quyết toán theo quy định.

5. Việc thực hiện quy đổi vốn đầu tư về mặt bằng giá tại thời điểm bàn giao đưa vào khai thác sử dụng sẽ theo yêu cầu của người phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 9. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành

1. Tất cả các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A phải thực hiện kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trước khi trình Bộ thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định.

2. Đối với dự án nhóm B, nhóm C chỉ thực hiện kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành khi có yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan thẩm tra quyết toán).

3. Đối với dự án đã được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán

a) Trường hợp Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán đảm bảo đủ nội dung quy định tại Điều 12 Thông tư số 09/2016/TT-BTC thì cơ quan thẩm tra quyết toán sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước làm căn cứ để thẩm tra, không thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán quyết toán dự án;

b) Trường hợp Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 12 Thông tư số 09/2016/TT-BTC, chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để kiểm toán bổ sung theo yêu cầu của Bộ. Chi phí kiểm toán bổ sung được xác định tương tự như xác định chi phí kiểm toán đối với hạng mục công trình, gói thầu trong dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Thông tư số 09/2016/TT-BTC. Cơ quan chủ trì thẩm tra sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước và kết quả báo cáo kiểm toán của kiểm toán độc lập làm căn cứ để thẩm tra quyết toán dự án.

Điều 10. Biểu mẫu báo cáo và hồ sơ trình duyệt quyết toán

Biểu mẫu báo cáo quyết toán và hồ sơ trình duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số 09/2016/TT-BTC.

Trong quá trình thẩm tra quyết toán, chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình cho cơ quan thẩm tra các tài liệu phục vụ công tác thẩm tra quyết toán: Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công, hồ sơ đấu thầu, dự toán thiết kế, dự toán bổ sung và các hồ sơ chứng từ thanh toán có liên quan.